

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-8-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

2. Ông Đặng Hoàng Mích

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Cẩm Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1988. *(Có mặt)*

Địa chỉ: ấp M, xã Đ huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1982. *(Có mặt)*

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Chị và anh Q chung sống với nhau vào năm 2007 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q thường xuyên ăn nhậu, chửi mắng chị, không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị N đưa con về nhà mẹ ruột để sinh sống tại ấp T, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre được 6 năm. Đến năm 2016 chị và anh Q hàn gắn tình cảm để lo cho con nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Từ đó hạnh phúc vợ chồng dần dần mất đi không thể hàn gắn. Chị N và anh Q đã sống ly thân từ tháng

5/2018 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nguyễn Thanh H, sinh ngày 09/8/2008, hiện con đang sống với mẹ, nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/7/2018 anh Trần Văn Qg trình bày:

Anh và chị N kết hôn đã 11 năm rồi, sau khi kết hôn vợ chồng anh sống bên gia đình vợ được 2 năm thì chị N bỏ đi lên Sài Gòn làm, anh đi làm thợ hồ sống theo công trình. Đến 6 năm sau vợ chồng cùng chung sống ở Tiền Giang, thuê nhà trọ, vợ đi làm công nhân, anh đi làm hồ. khoảng hơn 01 tháng nay thì vợ bỏ ra ngoài, vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân chị N đòi ly hôn theo anh Q, sự việc gần đây nhất, anh đi làm về, thấy trong điện thoại của vợ có đăng hình trên facebook, dẫn con đi vô vũ trường, anh không đồng ý nên vợ chồng có cự cãi. Anh có lấy chai Ô long gõ lên đầu chị N, gia đình vợ đòi bắt chị N về, còn chị N đòi tự vẫn, mẹ vợ anh mới kêu anh dọn ra ngoài sống còn không thì chị N dọn đi. Anh Q mới vô công trình sống, để chị N sống ở phòng trọ, khoảng 01 tuần sau thì chị N dọn phòng trọ đi nơi khác, anh có tìm nhưng chị N không cho anh vô phòng. Chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, để chị N quyết định, vì anh còn thương vợ.

Về con chung: có 01 con chung, anh không có yêu cầu gì, muốn sống với ai để con tự quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: không vi phạm tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Trần Văn Q chung sống với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2007 nên

được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh Q và chị N lúc đầu có hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị N yêu cầu giải quyết cho ly hôn, anh Q không đồng ý vì cho rằng còn thương vợ. Căn cứ vào lời trình bày của anh Q, chị N; căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của anh Q, chị N đã phát sinh và tồn tại nhiều mâu thuẫn, anh Q hay nhậu nhẹt và ghen tuông đối với chị N. Anh, chị cũng đã có một khoảng thời gian sống ly thân, sau đó vợ chồng hàn gắn để chăm lo gia đình, từ tháng 5/2018 anh Q và chị N lại tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Từ đó, cho thấy, anh chị cũng đã có một đoạn thời gian để nhìn nhận lại đời sống hôn nhân của mình nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Mặc dù, anh Q không đồng ý ly hôn và Tòa án cũng đã hòa giải động viên, tạo điều kiện để hai bên hàn gắn, đoàn tụ trở lại nhưng không thành, xét về tình thương đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nguyễn Thanh H, sinh ngày 09/8/2008, con hiện đang sống với chị N. Chị N có yêu cầu được nuôi con, anh Q không có ý kiến gì, để con tự lựa chọn. Theo Biên bản hỏi ý kiến con, cháu H có nguyện vọng được sống với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy: để đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung, cần giao con là cháu Trần Nguyễn Thanh H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: hai bên khai không có nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: hai bên khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn chị N phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc N đối với anh Trần Văn Q.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn anh Trần Văn Q. Quan hệ hôn nhân của chị N, anh Q chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con là cháu Trần Nguyễn Thanh H, sinh ngày 09/8/2008 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: hai bên khai không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: hai bên thừa nhận không có, nên không xét đến.

5. Án phí HNST: chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0017994 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre được khấu trừ vào án phí, chị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Đ;
- Các bên đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu